

SỞ GD & ĐT BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT ĐA KIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/BC-THPTĐK

Đa Kia, ngày 23 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO

Bổ sung một số nội dung theo Công văn số 19/TTr ngày 22/02/2024 của Thanh tra sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng học kỳ 1, năm 2023-2024

Căn cứ Kế hoạch số 3195/KH-SGDĐT, ngày 26/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện Công văn số 19/TTr ngày 22/02/2024 của Thanh tra Sở GD&ĐT tỉnh Bình Phước về việc bổ sung nội dung báo cáo sơ kết công tác phòng, chống tham nhũng năm học 2023-2024.

Thực hiện Kế hoạch số 282/KH-THPTĐK ngày 02 tháng 10 năm 2023 của trường THPT Đa Kia về Kế hoạch công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023-2024.

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, nay trường THPT Đa Kia báo báo bổ sung kết quả thực hiện học kỳ 1 năm học 2023-2024, với những nội dung cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

Các nội cần bổ sung thêm (còn thiếu) như sau:

1. Về nội dung công khai (cung cấp minh chứng)

- Đối với các Biểu mẫu theo quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT (đính kèm theo).

- Đối với các Biểu mẫu thuộc thông tư 61/2017/TT-BTC và Thông tư 90/2018/TT-BTC (đính kèm theo)

- Các hình thức công khai nhà trường đã thực hiện: công khai trong cuộc họp, hội nghị như: họp Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội nghị viên chức, người lao động, các cuộc họp khác của đơn vị.

- Tự đánh giá trong việc thực hiện công khai: Hình thức và thời điểm công khai với các nội dung theo quy định, tuy nhiên đối với hình thức công khai trên trang thông tin điện tử của đơn vị chưa được chú trọng.

2. Về nội dung Công tác tuyên truyền giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN)

- Các hình thức tuyên truyền của nhà trường: nội dung tuyên truyền; số hội nghị tuyên truyền nhà trường đã tổ chức (nếu có) và tổng số người tham gia:

Thường xuyên tuyên truyền các văn bản về phòng chống tham nhũng, tiêu cực tới 100% CB-GV-NV nhà trường.

Nhà trường tuyên truyền bằng hình thức chuyển các văn lên tài khoản văn bản điện tử của từng cá nhân, lồng ghép thông qua các buổi sinh hoạt, họp đơn vị.

Tham gia 100% các cuộc thi tìm hiểu pháp luật về khiếu nại tố cáo do cấp trên tổ chức.

Nội dung tuyên truyền lác văn bản gồm:

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Đề án số 04-ĐA/TU ngày 25/6/2022 của Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy đảng đối với công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 1954/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030, trên địa bàn tỉnh Bình Phước (giai đoạn 2023-2026); Văn bản định kỳ theo công văn của Sở Giáo dục.

Số đợt tuyên truyền trong năm học 2023-2024 cho tới nay là 05 đợt.

- Việc lồng ghép nội dung PCTN trong dạy học theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo từ năm học 2013 – 2014, đơn vị thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Trên đây là báo cáo bổ sung một số nội dung theo Công văn số 19/TTr ngày 22/02/2024 của Thanh tra Sở về kết quả thực hiện công tác phòng chống tham nhũng học kỳ 1 năm học 2023-2024 của trường THPT Đa Kia kính trình Phòng Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Phòng TTr – Sở GD&ĐT;
- Lưu: VP, TCHC (dhl)



ThS: *Bùi Xuân Nhật*

SỞ GD & ĐT BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT ĐA KIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282/KH-THPTĐK

Đa Kia, ngày 02 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023-2024

Căn cứ Kế hoạch số 3195/KH-SGDĐT, ngày 26/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị, nay trường THPT Đa Kia xây dựng kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023 - 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật PCTN, các Chỉ thị; Nghị quyết; Chương trình của Trung ương, Kế hoạch của UBND tỉnh, Kế hoạch của Sở GD&ĐT về công tác PCTN, ngăn chặn và từng bước đẩy lùi tham nhũng.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng và chính quyền trong công tác PCTN; xây dựng tổ chức Đảng, đơn vị trường học thực sự trong sạch, vững mạnh; tạo sự chuyển biến về nhận thức và hành động của viên chức, người lao động trong công tác PCTN góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị – xã hội, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực góp phần thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục trong tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi nhiệm vụ của cán bộ quản lý, viên chức, người lao động ngăn ngừa việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vụ lợi, góp phần PCTN, tiêu cực.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức, nhà giáo có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực, trình độ chuyên môn giỏi, vững vàng;

- Nâng cao ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức, viên chức trong toàn ngành về công tác PCTN, tiêu cực. Giáo dục kỹ năng PCTN cho đoàn viên thanh niên trong đơn vị.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể để tiếp tục lãnh đạo thực hiện các giải pháp thiết thực, hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong đơn vị.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và thực hiện nghiêm túc tốt: Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các văn bản chỉ đạo về PCTN của cấp trên, của UBND tỉnh, của Sở Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch công tác PCTN năm 2021 của đơn vị mình;

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời, chính xác, đúng pháp luật các hành vi, vi phạm tham nhũng thuộc thẩm quyền;

- Thực hiện tốt Chỉ thị số 10/CT-TTg về tích hợp PCTN trong giảng dạy bộ môn GDCD cấp THPT. Phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận, đoàn thể trong đơn vị giáo dục kỹ năng PCTN trong chương trình chính khóa cũng như trong các hoạt động ngoại khóa cho đoàn viên thanh niên.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, động viên cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh phát hiện, tố giác và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường tính công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước, việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện các hành vi tham nhũng để kịp thời xử lý, ngăn chặn hậu quả do hành vi tham nhũng gây ra theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung và các chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với viên chức, người lao động, học sinh

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của nhà nước về PCTN nhằm nâng cao nhận thức cho đội viên chức toàn đơn vị trong công tác PCTN, tiêu cực.

- Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu hệ thống văn bản của các cấp về thực hiện phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí cụ thể: Các điều từ 353 đến 359, Mục I, Chương XXIII Bộ luật Hình sự năm 2015 (về các tội phạm tham nhũng); sửa đổi, bổ sung tại điểm r, điểm s của khoản 1 và điểm h của khoản 3, Điều 2, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc

hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách; Nghị định số 59/2019/NĐ-CP 3 ngày 01/7/2019 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018; Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Công văn số 2473/UBND-NC ngày 09/9/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Phú Trọng tại hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm công tác đấu tranh PCTN, tiêu cực; Công văn số 2771/UBND-NC ngày 29/9/2022 của UBND tỉnh về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác PCTN; Công văn số 3079/SGDĐT-TTr ngày 10/10/2022 của Sở GD&ĐT về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; Công văn số 3079/SGDĐT-TTr ngày 10/10/2022 của Sở GD&ĐT về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng; Kế hoạch số 148/KHSGDĐT ngày 19/01/2023 của Sở GD&ĐT về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023 của ngành GD&ĐT; Công văn số 2450/SGDĐT-VP ngày 31/07/2023 triển khai thực hiện Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 của Ban Chấp hành Trung ương, Quyết định số 1128-QĐ/TU ngày 19/7/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 61-CV/ĐU ngày 16/08/2023 về triển khai quán triệt Quy định số 113-QĐ/TW; Quy định số 114-QĐ/TW Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 15/6/2016 của Tỉnh ủy Bình Phước về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí.



- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.

2. Tham gia xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật, kiểm tra, rà soát, theo dõi thi hành, hệ thống hóa văn bản pháp luật về PCTN

- Tăng cường góp ý có chất lượng đối với các văn bản pháp luật về PCTN khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng; kịp thời cập nhật văn bản mới và văn bản hết hiệu lực để thực hiện đúng quy định tại đơn vị.

3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị, các bộ phận, tổ chức trong công tác PCTN

- Xác định công tác PCTN là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên tại đơn vị.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải thật sự gương mẫu về đạo đức, lối sống.

- Nghiêm túc thực hiện quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, đơn vị do mình quản lý, phụ trách theo Nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách và Nghị định số 211/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 107/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

4. Nâng cao năng lực, phát huy tốt vai trò của các bộ phận tham mưu về công tác PCTN, tập trung triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

- Thực hiện hiệu quả việc công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018.

+ Đơn vị phải công khai, minh bạch thông tin về tổ chức, hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và nội dung khác theo quy định của pháp luật. Việc công khai, minh bạch phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo trình tự, thủ tục do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quy định và phù hợp với quy định của pháp luật, thực hiện.

+ Nội dung công khai như sau: Công khai việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác; công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy

tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; công khai, minh bạch về thủ tục hành chính...

- Xây dựng, ban hành và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

+ Đơn vị thực hiện xây dựng, ban hành, công khai quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Thực hiện và công khai kết quả thực hiện quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và xử lý kịp thời hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý người có hành vi vi phạm.

+ Thực hiện việc rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định về thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, viên chức.

- Thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích: Kiểm soát các tình huống mà trong đó lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn hoặc người thân thích của họ tác động hoặc sẽ tác động không đúng đến việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ nếu biết hoặc buộc phải biết nhiệm vụ, công vụ được giao có xung đột lợi ích thì phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khi phát hiện có xung đột lợi ích của người có chức vụ, quyền hạn thì phải thông tin, báo cáo cho người trực tiếp quản lý, sử dụng người đó để xem xét, áp dụng một trong các biện pháp như giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao của người có xung đột lợi ích; tạm thời chuyển người có xung đột lợi ích sang vị trí công tác khác.

- Chấp hành chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn, người thuộc đối tượng phải chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Các đơn vị có trách nhiệm chấp hành chuyển đổi vị trí công tác theo Kế hoạch số 830/KH-SGDĐT ngày 23/3/2023 của Sở GD&ĐT về chuyển đổi vị trí 5 công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lý năm 2023, đồng thời báo cáo về Sở GD&ĐT những trường hợp đã công tác quá thời gian theo quy định nhưng chưa được chuyển đổi vị trí công tác. Người có chức vụ, quyền hạn chấp hành chuyển đổi vị trí công tác theo quy định tại Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ và các văn bản có liên quan.

- Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Các đơn vị cần xây dựng bộ quy tắc ứng xử tại cơ quan, đơn vị mình. Khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, người có chức vụ, quyền hạn phải thực hiện quy tắc ứng xử phù hợp với pháp luật và đặc thù nghề nghiệp nhằm bảo đảm liêm chính, trách nhiệm, đạo đức công vụ. Thực hiện đúng quy định những việc không được làm của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị như những nhiều



trong giải quyết công việc; thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã; tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác ở trong nước và nước ngoài về công việc có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác, công việc thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc tham gia giải quyết; Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị; những việc khác mà người có chức vụ, quyền hạn không được làm theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Doanh nghiệp và các văn bản khác có liên quan.

- kê khai tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn, người có nghĩa vụ phải kê khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị: Các đơn vị tổ chức thực hiện kê khai, tài sản thu nhập; tiếp nhận, quản lý, bàn giao bản kê khai tài sản, thu nhập; công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định tại Điều của Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các văn bản hướng dẫn hàng năm của cấp có thẩm quyền. Người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai tài sản, thu nhập và biến động về tài sản, thu nhập của mình, của vợ hoặc chồng, con chưa thành niên theo quy định; kê khai theo mẫu và gửi bản kê khai cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai; người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai trung thực về tài sản, thu nhập, giải trình trung thực về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo trình tự, thủ tục.

- Thực hiện đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính: Các đơn vị tiếp tục thực hiện hiệu quả tại đơn vị về thanh toán không dùng tiền mặt, chuyển đổi số theo Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025; Công văn số 2741/BGDĐT-KHTC ngày 29/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thanh toán học phí theo phương 6 thức thanh toán không dùng tiền mặt; Công văn số 257/SGDĐT-VP ngày 16/02/2023 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thanh toán không dùng tiền mặt đối với các nguồn thu; Công văn số 590/SGDĐT-VP ngày 06/03/2023 của Sở GD&ĐT về việc đôn đốc triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục; Công văn số 3083/SGDĐT-QLCLGD ngày 15/09/2023 của Sở GD&ĐT về tiếp tục đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục. Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, tạo chuyển biến tích cực theo hướng đơn giản, công khai, minh bạch trong giao dịch, giao tiếp theo Kế hoạch số 1109/KH-SGDĐT ngày 18/04/2023 của Sở GD&ĐT về gắn thi đua với cải cách hành chính năm 2023; Công văn số 1881/SGDĐT-VP ngày 14/06/2023 của Sở GD&ĐT về nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh năm 2023.

- Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ: Các đơn vị tiếp tục thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Công văn số 3079/SGDDĐT-TTr ngày 10/10/2022 của Sở GD&ĐT về tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng.

5. Tập trung thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để phòng ngừa tham nhũng

- Thực hiện hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo hướng dẫn tại Công văn số 2991/SGDDĐT-TTr ngày 21/9/2021 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát để phòng ngừa tham nhũng trong toàn ngành giáo dục.

6. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN

- Mỗi đơn vị tiến hành tự triển khai kiểm tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN tại đơn vị mình.

- Qua kiểm tra kịp thời phát hiện, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ đơn vị.

7. Phối hợp với các tổ chức có liên quan trong việc thực hiện vai trò giám sát nhằm nâng cao ý thức trong đấu tranh PCTN

- Phát hiện tố giác hành vi tham nhũng của cán bộ quản lý, viên chức và cơ quan, đơn vị có dấu hiệu tham nhũng.

- Khuyến khích sự tham gia của nhân dân đối với công tác PCTN, xây dựng cơ chế khen thưởng và bảo vệ người tố cáo tham nhũng theo quy định.

- Phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân; cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào việc phát hiện, phản ánh, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý tham nhũng; phát hiện tố giác hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị có dấu hiệu tham nhũng. Khuyến khích sự tham gia của nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh đối với công tác PCTN, xây dựng cơ chế khen thưởng và bảo vệ người tố cáo tham nhũng theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ phận phụ trách TCHC, CSVC, VP

- Tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập đúng nội dung, đối tượng, hình thức theo quy định.

- Tăng cường kiểm tra việc sử dụng, bảo quản thiết bị, tài sản lớp học.
- Kế toán: Lập kế hoạch rà soát, theo dõi Sổ tài sản định kỳ.

2. Bộ phận phụ trách chuyên môn

Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc đưa nội dung PCTN vào chương trình giáo dục đào tạo về thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung PCTN vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo từ năm học 2013 - 2014 theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

3. Tổ GDPL, Tiếp công dân trường

- Xây dựng các văn bản và triển khai có hiệu quả các nội dung theo quy định về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.
- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại đơn vị với nhiều hình thức.

4. Ban Thanh tra nhân dân

Tổ chức, phối hợp việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về PCTN và kiến nghị xử lý kịp thời các vi phạm về tham nhũng (tiến hành độc lập hoặc lồng ghép trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra định kỳ các hoạt động về chuyên môn, về công tác quản lý tài chính và thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên và học sinh).

5. Chế độ thông tin, báo cáo

- Các bộ phận, tổ chức trong nhà trường căn cứ kế hoạch này và tình hình thực tế chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể về các nội dung công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí năm học 2022-2023 để triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả.
- Kết quả thực hiện từ các cá nhân, bộ phận phụ trách được gửi về Thư ký tổng hợp báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Phước theo định kỳ sơ kết (10/01/2024), tổng kết (10/06/2024) trước quy định của Sở chậm nhất 3 ngày.

Trên đây là Kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm học 2023-2024 của trường THPT Đa Kia. Đề nghị các bộ phận, cá nhân liên quan và toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở GD & ĐT Bình Phước;
- Hiệu trưởng;
- Các Phó Hiệu trưởng;
- Ban TC thực hiện PCTN, TC trường;
- Công Đoàn; Đoàn TN CS HCM;
- Lưu: VT, TCHC (dhl).



Bùi Xuân Nhật

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học phổ thông Đa Kì

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	- Hoàn thành chương trình và tốt nghiệp THCS. - Địa bàn: Học sinh đã tốt nghiệp THCS ở ba xã Đa kìa, Phước Minh, Bình Thắng và các vùng lân cận theo qui định và đúng chỉ tiêu được giao của SGD&ĐT Bình Phước hàng năm. - Điểm đầu vào: 12	Đã hoàn thành chương trình lớp 10 và đủ điều kiện lên lớp 11 (xếp loại hai mặt giáo dục từ TB trở lên)	Đã hoàn thành chương trình lớp 11 và đủ điều kiện lên lớp 12 (xếp loại hai mặt giáo dục từ TB trở lên)
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành. (2006, 2018)		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ, thường xuyên và kịp thời giữa nhà trường và gia đình. - Học sinh có ý thức tự giác học tập, tu dưỡng đạo đức, lễ phép, văn minh trong ứng xử, chấp hành tốt pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động đoàn thể.		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Giáo dục lí tưởng sống, truyền thống, đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh; tổ chức các hoạt động GDNGLL, GDHN; các hội thi, cuộc thi và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo lành mạnh bổ ích gắn với hỗ trợ học tập cho học sinh.		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Hạnh kiểm khá tốt: 96%. - Học lực: + Giỏi: 16% + Khá: 34% + Yếu, kém: 7%	- Hạnh kiểm: + Khá, tốt: 98%. - Học lực: + Giỏi: 18% + Khá: 40% + Yếu, kém: 4%	- Hạnh kiểm: + Khá, tốt: 100%. - Học lực: + Giỏi: 25% + Khá: 55% + Yếu, kém: 0%

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Học sinh bỏ học: 0.2% - Học sinh lưu ban: 4%	- Học sinh bỏ học: 0.15% - Học sinh lưu ban: 2%	- Học sinh đỗ ĐH – CĐ > 80% - 100% Học sinh được tư vấn hướng nghiệp, định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp.
----	--	---	--	---

Đa Kia, ngày 03 tháng 09 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Lê Quốc Hoàng

Biểu mẫu 11

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GD&ĐT BÌNH PHƯỚC**TRƯỜNG THPT ĐA KIA****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông Đa Kia
năm học 2023 – 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	21	1.8 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	21	1.8 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	8	3.6 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,047/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40.5/1	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	18761,3 m ²	23,3 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	14079 m ²	17,4 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	2703,12 m ²	3,4 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	1411,2 m ²	1,75 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	1048,32 m ²	1,3 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	139,2 m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	34,8 m ² ; 69,6 m ²	

VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	500	22,7 Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	150	6,8
1.1	Khối lớp 10	50	8,3
1.2	Khối lớp 11	60	8,5
1.3	Khối lớp 12	45	5
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	350	15,9
2.1	Khối lớp 10	120	5,4
2.2	Khối lớp 11	130	5,9
2.3	Khối lớp 12	100	4,5
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	0
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	82	0,1 Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	0	Số thiết bị/lớp

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Bộ bảng tương tác	18	18/18
2	Máy chiếu	4	4/4

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng	Số chỗ	Diện tích bình
--	----------	----------------------	--------	----------------

		diện tích (m ²)		quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	60,84	730,08	85,04	0,9	0,45
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Đa Kia, ngày 03 tháng 4.. Năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trần Bá Chuyên

145

146

147

148

149

150

151

152

153

154

155

156

157

158

159

160

161

162

163

164

165

166

167



Biểu mẫu 12

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GD & ĐT BÌNH PHƯỚC

TRƯỜNG THPT ĐA KIA

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	60	0	7	47	0	3	3	54				1	1	
I	Giáo viên	50		5	45				50			48	1	1	
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6		1	5				6			6			
2	Lý	4			4				4				1		
3	Hóa	7			7				7			7			
4	Sinh	3			3				3			3			
5	Tin	3		1	2				3			3			
6	Văn	6			6				6			6			
7	Sử	3		1	2				3			3			
8	Địa	2		1	1				2			1		1	
9	Anh	6		1	5				6			6			
10	GDCD	2			2				2			2			
11	Công nghệ	2			2				2			2			

12	Thể dục	5			5				5			5			
13	GDQP	1			1				1			1			
II	Cán bộ quản lý	4		2	2				4						
1	Hiệu trưởng	1		1								1			
2	Phó hiệu trưởng	3		1	2							3			
III	Nhân viên														
1	Nhân viên văn thư	0													
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	0													
5	Nhân viên thư viện	0													
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0													
9	Nhân viên khác	5					2	3							

Đa Kia, ngày 03 tháng 9 năm 2023

Kí. Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Dương Hoài Linh

Số: 291/QĐ-THPTĐK

Đa Kia, ngày 14 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc Thông báo và công khai mức thu học phí, các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2023 -2024, nguồn thu dịch vụ căn tin, nhà xe)

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào TT 16/2018/TT- BGDDT ngày 03/08/2018 của bộ trưởng bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở hệ thống giáo dục quốc dân và công văn 3114/UBND – KGVX ngày 22/10/2018 ủa UBND tỉnh thực hiện thông tư 16/2018/TT- BGDDT.

Xét đề nghị của kế toán nhà trường:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông báo và công khai mức thu học phí, các khoản thu ngoài ngân sách năm học 2023 -2024, nguồn thu dịch vụ căn tin, nhà xe. Ước thực hiện năm học 2024 -2025, năm học 2025- 2026 (Có biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Phân công nhiệm vụ bộ phận tài vụ và các thành viên có liên quan tiến hành công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Các bộ phận có liên quan và các ông(bà) có tên tại điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Bùi Xuân Nhật



CÔNG KHAI MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NH 2023-2024 VÀ ƯỚC THỰC HIỆN NH 2024 - 2025 , 2025 -2026
(Kèm theo QĐ số: 349 /QĐ - THPTĐK ngày 14/10/2023 của trường THPT Đa KìA)

1/ Tiền Học phí

STT	Năm học	Số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền thu/ năm học (đồng)	Ghi chú
1	2023 -2024		9		Chờ VB hướng dẫn
2	2024- 2025	50,000	9	450,000	Ước thực hiện
3	2025 -2026	50,000	9	450,000	Ước thực hiện

2/ DTHT và ôn TNTHTP

STT	Năm học	Số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền thu/ năm học (đồng)	Ghi chú
1	2023-2024				
	Khối 10	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,120,000	Thực hiện
	Khối 11	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,120,000	Thực hiện
	Khối 12	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,900,000	Thực hiện
	Ôn khối 12	7.000đ/ tiết	7 tuần	1,960,000	Thực hiện
2	2024-2025				
	Khối 10	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,120,000	ước thực hiện
	Khối 11	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,120,000	ước thực hiện
	Khối 12	6.500đ/ tiết	30 tuần	3,900,000	ước thực hiện
	Ôn khối 12	7.000đ/ tiết	7 tuần	1,960,000	ước thực hiện
3	2025-2026				
	Khối 10	7.000đ/ tiết	30 tuần	3,360,000	ước thực hiện
	Khối 11	7.000đ/ tiết	30 tuần	3,360,000	ước thực hiện
	Khối 12	7.000đ/ tiết	30 tuần	4,200,000	ước thực hiện
	Ôn khối 12	8.000đ/ tiết	7 tuần	2,240,000	ước thực hiện

3/ Tiền Phục vụ học tập, vệ sinh trường lớp

STT	Năm học	Số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền thu/ năm học (đồng)	Ghi chú
1	2023 -2024	38,889	9	350,000	Thực hiện
2	2024- 2025	40,000	9	360,000	Ước thực hiện
3	2025 -2026	40,000	9	360,000	Ước thực hiện

4/ Tiền BHYT

STT	Năm học	Số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền thu/ năm học (đồng)	Ghi chú
1	2023 -2024				
	Khối 10, 11	56,700	12	680,400	Thực hiện
	Khối 12	56,700	9	510,300	Thực hiện
2	2024-2025				

	Khối 10, 11	56,700	12	680,400	Ước thực hiện
	Khối 12	56,700	9	510,300	Ước thực hiện
2	2025-2026				
	Khối 10, 11	56,700	12	680,400	Ước thực hiện
	Khối 12	56,700	9	510,300	Ước thực hiện

5/ Sổ LLĐT

STT	Năm học	Số tiền/ tháng	Số tháng	Tổng số tiền thu/ năm học (đồng)	Ghi chú
1	2023 -2024	7,778	9	70,000	Thực hiện
2	2024- 2025	7,778	9	70,000	Ước thực hiện
3	2025 -2026	7,778	9	70,000	Ước thực hiện

6/ Thu dịch vụ: Căn tin + nhà xe

1	2023 -2024	8,000,000	9	72,000,000	Thực hiện
2	2024- 2025	8,000,000	9	72,000,000	Ước thực hiện
3	2025 -2026	8,000,000	9	72,000,000	Ước thực hiện

Đa Kì, Ngày 14 tháng 10 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bùi Xuân Nhật

SỞ GD & ĐT BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT ĐA KIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

(Về việc thực hiện các khoản thu trong năm học 2023 – 2024)

Căn cứ vào công văn số: 2913/SGDDĐT – VP ngày 05/09/2023 V/v Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2023 – 2024.

Nay Trường THPT Đa Kia lập dự toán xin thu các khoản NH 2023 -2024 tới PHHS với định mức dự kiến thu như sau:

1/ Học phí: Tạm thời chưa thu (chờ VB hướng dẫn)

2/ Dạy thêm – học thêm:

Thực hiện theo Quyết định số 14/2019/QĐ-UBND ngày 23/4/2019 và QĐ số 09/2020/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;

Công văn 2859/SGDDĐT – GDTrH ngày 30/08/2023 của sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn công tác dạy thêm học thêm và dạy học 2 buổi/ ngày NH 2023 - 2024 số tiền thu 1 tiết 6.500đ/ tiết.

- **Học kỳ I:**

- Khối 10: 1.664.000đ/học kỳ/học sinh
- Khối 11: 1.664.000đ/học kỳ/học sinh.
- Khối 12: 2.080.000đ/học kỳ/học sinh.

- **Học kỳ II:**

- Khối 10: 1.456.000đ/học kỳ/học sinh
- Khối 11: 1.456.000đ/học kỳ/học sinh.
- Khối 12: 1.820.000đ/học kỳ/học sinh.
- Ôn TNTHPT: 1.960.000đ/ học sinh

3/ Phục vụ học tập – vệ sinh trường lớp: Dự kiến thu theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước; Công văn 3024/UBND-KGVX ngày 25 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Bình Phước.

Khối 10, 11, 12: Thu 350.000đ/ học sinh/năm học



4/ Bảo hiểm y tế: Thu theo HD số 485/BHXH-QLT ngày 15/07/2022 cụ thể như sau:

- Lớp 10, 11: 680.400đ/ học sinh ($1.800.000đ \times 4.5\% \times 12 \text{ tháng} \times 70\%$)
- Lớp 12: 510.300đ/ học sinh ($1.800.000đ \times 4.5\% \times 9 \text{ tháng} \times 70\%$)

❖ Mức thu trên là theo quy định. Để đảm bảo thời gian tham gia bảo hiểm y tế của học sinh không bị gián đoạn, nhà trường sẽ hoàn tất việc thu tiền trong tháng 12/2023. Vì vậy, những học sinh đã có thẻ BHYT do được cấp hoặc mua theo hộ gia đình (VD: Học sinh thuộc hộ nghèo; cận nghèo; học sinh có cha hoặc mẹ là công an, bộ đội; học sinh dân tộc, ...) không đóng khoản này.

5/ Sổ liên lạc điện tử vnEdu: Thu theo Công văn số 2466/SGDDĐT-GDTrH ngày 13/08/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Lớp 10, 11, 12: 70.000đ/năm/học sinh.

6/ Quỹ cha mẹ học sinh: Theo thỏa thuận cha mẹ học sinh

7/ Thu tiền giữ xe: Thu theo Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh.

- Xe đạp, xe đạp điện: Ban ngày: 1.000đ/lượt/xe; Ban đêm: 2.000đ/lượt/xe.
 - Xe gắn máy: Ban ngày: 2.000đ/lượt/xe; Ban đêm: 3.000đ/lượt/xe.
- hoặc thu theo tháng 15.000đ/ tháng xe đạp, xe đạp điện, 30.000đ/ tháng xe gắn máy

CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP KHÁC.

1. Đối tượng được miễn, giảm

STT	ĐỐI TƯỢNG	HỌC PHÍ	DTHT	PVHT-VSTL
1	Người có công với cách	Miễn	Miễn	Miễn
2	Học sinh khuyết tật	Miễn	Miễn	Miễn
3	Học sinh mồ côi nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp hàng tháng	Miễn	Miễn	Miễn
4	Học sinh có diện hộ nghèo	Miễn	Miễn	Miễn
5	HS con hạ sĩ quan – binh sĩ phục vụ tại ngũ xuất ngũ và thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ.	Miễn	Miễn	Miễn
6	HS dân tộc thiểu số ít người vùng KTĐBKK	Miễn	Miễn	Miễn

7	HS dân tộc thiểu số ở vùng KTĐBKK, xã khu vực III vùng dân tộc miền núi.	Giảm 70%	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt
8	Con của CBCCVC, công nhân cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.	Giảm 50%	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt
9	Hs thuộc diện hộ cận nghèo	Giảm 50%	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt
10	HS làm công tác đoàn	BTĐ 70%, Bí thư lớp 60%	0	0
11	Học sinh có hoàn cảnh khó khăn		Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt	Tùy vào hoàn cảnh HS hiệu trưởng phê duyệt

2. Hồ sơ kèm theo:

- Học sinh thuộc các diện miễn giảm theo quy định ở trên, hồ sơ nộp về phòng tài vụ gồm:

+ Hộ nghèo: 03 sổ hộ nghèo có photo công chứng không quá 6 tháng. 03 sổ hộ khẩu có photo công chứng không quá 6 tháng.

+ Hộ cận nghèo: 02 sổ cận nghèo có photo công chứng không quá 6 tháng. 02 sổ hộ khẩu có photo công chứng không quá 6 tháng.

+ Con liệt sỹ, con thương binh: 01 sổ hộ khẩu có photo công chứng không quá 6 tháng. 01 giấy xác nhận diện chính sách của phòng LĐ – TB – XH.

+ Con bệnh binh, bệnh nghề nghiệp: 01 sổ hộ khẩu có photo công chứng không quá 6 tháng. 01 giấy xác nhận diện chính sách của phòng LĐ – TB – XH.

Tất cả hồ sơ liên quan tới chế độ miễn giảm, chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo ND 81/2021/NĐ –CP ngày 27/08/2021, chế độ vùng KTĐBKK theo nghị định 116/2016/NĐ – CP ngày 18/07/2016, học sinh nghèo, cận nghèo dân tộc thiểu số theo Nghị quyết số 17/2020/NQ –HĐND ngày 27/10/2020, nộp hồ sơ trước ngày 15/10/2023. Để nhà trường lập hồ sơ dự toán kinh phí gửi về Sở GD. Quá thời hạn trên học sinh không nộp xem như không nằm trong chính sách hỗ trợ.

Lưu ý: Nhà trường triển khai nguồn thu qua ngân hàng PHHS nộp tiền vào số tk sau:

Số Tài khoản: 5614 201 000 871

Chủ tài khoản: Trường THPT Đa Kia

Tại Ngân hàng: NN & PTNT Đa Kia – Bình Phước

Đa Kia, Ngày 14 tháng 10 năm 2023

Hiệu trưởng



ThS: *Bùi Xuân Nhật*

Số: 01/QĐ-THPTĐK

Đa Kia, ngày 02 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024)

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định số: 4455/QĐ –GDDT ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (lần 1) cho các đơn vị trực thuộc Sở.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu –chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho trường THPT Đa Kia (Theo biểu mẫu 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Phân công nhiệm vụ bộ phận tài vụ và các thành viên có liên quan tiến hành công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Ban giám hiệu, văn phòng và các cá nhân liên quan thực hiện quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT



Bùi Xuân Nhật



Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

**DỰ TOÁN THU, CHI ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2024
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-THPTĐK ngày 02 /01 /2024 của trường THPT Đa Kia)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	390,000	390,000	390,000	
I	Số thu phí, lệ phí	390,000	390,000	390,000	
1	Lệ phí	390,000	390,000	390,000	
	Học phí 2024	390,000	390,000	390,000	
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13,043,000	13,043,000	13,043,000	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
1.3	Kinh phí tiết kiệm 10% tăng lương				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1	nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13,043,000	13,043,000	13,043,000	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên 13	10,253,000	10,253,000	10,253,000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên 12	2,600,000	2,600,000	2,600,000	
3.3	Kinh phí 10% tiết kiệm tăng lương 14	190,000	190,000	190,000	
3.4	Kinh phí đảng 15		-	-	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình,				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Đa Kia, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HIỆP TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
ĐA KIA
Ph. Bui Xuân Nhật



Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 01/QĐ-THPTĐK ngày 02 /01 /2024 của trường THPT Đa Kia)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	373,165
I	Số thu phí, lệ phí	373,165
1	Lệ phí	
	Học phí 2023	373,165
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13,043,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	13,043,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên 13	10,253,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên 12	2,600,000
3.3	Kinh phí 10% tiết kiệm tăng lương 14	190,000
3.4	Kinh phí đảng 15	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
2.2	Dự án B	
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Nhật



Số: 32/QĐ-THPTĐK

Đa Kia, ngày 22 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
(Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023)

Căn cứ vào Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào quyết định giao dự toán đơn vị trong năm 2023.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán thu –chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho trường THPT Đa Kia (Theo biểu mẫu 01, 02 đính kèm)

Điều 2. Phân công nhiệm vụ bộ phận tài vụ và các thành viên có liên quan tiến hành công khai theo đúng quy định.

Điều 3. Ban giám hiệu, văn phòng và các cá nhân liên quan thực hiện quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.



Bùi Xuân Nhật



Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

**DỰ TOÁN THU, CHI ĐIỀU CHỈNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO NĂM 2023
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số: 32 /QĐ-THPTĐK ngày 22 /01 /2024 của trường THPT Đa Kia)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	373,165	373,165	373,165	
I	Số thu phí, lệ phí	373,165	373,165	373,165	
1	Lệ phí	373,165	373,165	373,165	
	Học phí 2023	373,165	373,165	373,165	
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,445,303	9,445,303	9,445,303	
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
1.3	Kinh phí tiết kiệm 10% tăng lương				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,445,303	9,445,303	9,445,303	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên 13	7,700,000	7,700,000	7,700,000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên 12	1,103,474	1,103,474	1,103,474	
3.3	Kinh phí 10% tiết kiệm tăng lương 14	615,700	615,700	615,700	
3.4	Kinh phí đảng 15	26,129	26,129	26,129	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Đơn vị: Trường THPT Đa Kia	Đơn vị
1	2	3	4=5+6+...	5	6
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	tân				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Đa Kia, ngày 22 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Nhật

Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 32 /QĐ-THPTĐK ngày 22 /01 /2024 của trường THPT Đa Kia)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	373,165
I	Số thu phí, lệ phí	373,165
1	Lệ phí	
	Học phí 2023	373,165
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,445,303
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,445,303
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên 13	7,700,000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên 12	1,103,474
3.3	Kinh phí 10% tiết kiệm tăng lương 14	615,700
3.4	Kinh phí đảng 15	26,129



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Đa Kia, ngày 22 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Xuân Nhật



Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đa Kia, ngày 22 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Trường THPT Đa Kia công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	373,165	373,165	100%	100%
I	Số thu phí, lệ phí	373,165	373,165	100%	100%
1	Lệ phí	373,165	373,165	100%	100%
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9,745,451	9,624,283	98,8%	98,5%
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,745,451	9,624,283	98,8%	98,5%
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (074-13)	7,841,848	7,806,563	99,6%	99,5%
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (074 - 12)	1,103,474	1,100,774	99,8%	100%
3.3	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (074-14)	774,000	690,817	89,3%	94,5%
3.4	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (351 - 12)	26,129	26,129	100%	100%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				

Đa Kia, Ngày 22 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Bùi Xuân Nhật





Đơn vị: TRƯỜNG THPT ĐA KIA

Chương: 422

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số: 32/QĐ-THPTĐK ngày 22 /01/2024 của trường THPT Đa Kia)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	373,165,000			
I	Số thu phí, lệ phí	373,165,000			
1	Lệ phí: Học phí	373,165,000	chưa quyết toán		
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9,624,283,988			
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,624,283,988			
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9,624,283,988	chưa quyết toán		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên: 13	7,806,563,029			
6000	Tiền lương	3,083,729,455			
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	80,191,800			
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	328,769,515			
6100	Phụ cấp lương	2,145,419,496			
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh sinh viên cán bộ đi học	33,460,000			
6200	Tiền thưởng	48,049,800			
6250	Phúc lợi tập thể				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
6300	Các khoản đóng góp	908,314,947			
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	87,880,000			
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	54,706,003			
6550	Vật tư văn phòng	149,637,400			
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	14,968,553			
6700	Công tác phí	230,700,000			
6750	Chi phí thuê mướn	157,722,000			
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	170,542,000			
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn				
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	273,295,760			
7750	Chi khác	39,176,300			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,100,774,000			
6157	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh sinh viên cán bộ đi học	710,774,000			
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	300,000,000			
7900	Chi các ngày lễ lớn	90,000,000			
3.3	Tổ chức đảng - 15	26,129,000			
7850	Chi cho công tác đảng	26,129,000			
3.4	Kinh phí cải cách tiền lương 14	690,817,959			
6000	Tiền lương	357,157,436			
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	25,148,866			
6100	Phụ cấp lương	204,796,037			
6300	Các khoản đóng góp	103,715,620			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9	tân				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
9	tân				
9.1	Dự án A				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
9	tân				
9.1	Dự án A				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				

Đa Kia, Ngày 22 tháng 02 năm 2024



Thủ trưởng đơn vị

Bùi Xuân Nhật

